

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/3/2018  
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Ngọc

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dương
2. Ông Phạm Phúc Ân

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh tham gia phiên toà:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04/01/2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1987

Nơi ĐKTT: Số nhà A, đường B, khu dân cư (KDC) C, phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Số nhà N, đường M, KDC T, phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, khu dân cư (KDC) C, phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 14/12/2017 và các bản tự khai, hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 05/01/2015; có đăng ký kết hôn tại UBND phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau lễ cưới vợ chồng về sống chung tại gia đình nhà chồng; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận đến đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; chị Liên cho rằng anh Hải thôi việc ở Công ty than Đông Bắc, tỉnh Quảng Ninh về nhà nhưng chưa chịu khó lao động, ảnh hưởng đến thu nhập và kinh tế gia đình; anh Hải nhiều lần đi chơi qua đêm, chị tham gia ý kiến không được, vợ chồng nhiều lần to tiếng với nhau, có lần còn xô xát với nhau; tháng 8/2017 vợ chồng mâu thuẫn chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống riêng cho đến nay; anh H có đến thăm nom con, nhắn tin đón chị về đoàn tụ nhưng chị không về đoàn tụ; nay chị thấy tình cảm vợ chồng của chị đối với anh H không còn nữa và yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung Nguyễn Huyền Anh, sinh ngày 30/10/2015 hiện đang ở với chị; khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị mức 1.000.000đ/ tháng; chị hiện làm việc tại Trung tâm nuôi dưỡng tâm thần người có công và xã hội hưởng lương 5.000.000đ/tháng; bố mẹ chị có nhà ở rộng rãi và đồng ý cho mẹ con chị về sinh sống sau khi ly hôn.

Về tài sản: Chị và anh H không có tài sản chung, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Tại bản tự khai ngày 07/3/2018 và các bản tự khai, hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Anh và chị Trần Thị L kết hôn ngày 05/01/2015 như chị L khai báo là đúng; sau lễ cưới vợ chồng về sống chung tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận đến năm 2016 anh nghỉ việc ở Quảng Ninh về nhà được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh có đi chơi, tụ tập, uống rượu qua đêm với bạn bè về nhà chị L có nhắc nhở nhiều lần, vợ chồng có to tiếng cãi nhau; khoảng tháng 7/2017 vợ chồng mâu thuẫn với nhau, chị L đã đưa con về sống riêng tại nhà bố mẹ đẻ cho đến nay, anh có tìm gặp chị L nhưng chị L tránh mặt không gặp; nay chị L xin ly hôn anh, anh thấy tình cảm vợ chồng của anh đối với chị L vẫn còn nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung Nguyễn Huyền Anh, sinh ngày 30/10/2015 hiện đang ở với chị L; khi ly hôn anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị L mức 1.000.000đ/ tháng.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản.

*Tại phiên toà hôm nay:*

- Chị L trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H; khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị 1.000.000đ/tháng; không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Anh H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung mong muốn vợ chồng về đoàn tụ còn nếu cô L vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn; khi ly hôn anh đồng ý để chị L nuôi con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/tháng; không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD); Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H; công nhận sự thỏa thuận giao con chung Nguyễn Huyền Anh, sinh ngày 30/10/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị L 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 4/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; về tài sản không đặt ra giải quyết; chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thanh H kết hôn với nhau ngày 05/01/2015 trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp. Sau lễ cưới vợ chồng về sống chung tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh H; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận; ngày 30/10/2015 vợ chồng có con chung; đến khoảng đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị L trình bày từ khi anh H thôi việc tại Công ty than Đông Bắc, tỉnh Quảng Ninh anh Hải không chịu khó lao động ảnh hưởng đến kinh tế gia đình; anh H hay đi chơi, tụ tập bạn bè uống rượu qua đêm, vợ chồng nhiều lần to tiếng cãi nhau, có lần vợ chồng còn xảy ra xô xát với nhau, tình cảm vợ chồng của chị đối với anh H không còn và yêu cầu được ly hôn với anh H. Cả chị L và anh H đều trình bày từ tháng 8/2017, vợ chồng mâu thuẫn với nhau, chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị L sống riêng cho đến nay; anh H có đến thăm nom con, có nhắn tin đón chị về đoàn tụ nhưng chị L không về đoàn tụ. Anh H có đơn trình bày mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu cô L vẫn kiên quyết xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh thể hiện chị L và anh H hiện không còn chung sống với nhau nữa chứng tỏ vợ, chồng vi phạm về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng và kéo dài; mục đích của hôn nhân không đạt được; đời sống chung của vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng về đoàn tụ không còn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị Trần Thị L ly hôn với anh Nguyễn Thanh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Cháu Nguyễn Huyền Anh, sinh ngày 30/10/2015 (đang ở độ tuổi dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ đẻ) hiện đang ở với chị L, chị L làm việc tại Trung tâm nuôi dưỡng tâm thần người có công và xã hội hưởng lương 5.000.000đ/tháng; chị L đang ở nhà bố mẹ đẻ, ông Trần Hữu T (bố đẻ chị L) đồng ý hỗ trợ về nơi ở cho chị L nuôi con nên chị L có thu nhập và có nơi ở để nuôi con; việc chị L và anh H thỏa thuận khi ly hôn chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị L mức 1.000.000đ/tháng là đảm bảo được lợi ích về mọi mặt của con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Sau khi ly hôn anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

[5]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Hải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về quan hệ vợ chồng: Xử chị Trần Thị L ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh H: Giao con chung Nguyễn Huyền Anh, sinh ngày 30/10/2015 cho chị Trần Thị Liên trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị L mức 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 4 năm 2018 cho đến khi con chung tròn đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng bằng tiền mặt vào ngày 15 hàng tháng.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Trường hợp anh H chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về quan hệ tài sản: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và được đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000359, ngày 04/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; anh Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tx. Chí Linh;
- Chi cục THA DS TX Chí Linh;
- UBND phường Sao Đỏ (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Ngọc**